

Số: 559 /BVNH-KD

Ninh Hòa, ngày 28 tháng 5 năm 2024

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Vật tư tiêu hao, Vật tư chẩn thương chỉnh hình, Hóa chất - sinh phẩm với nội dung cụ thể như sau:

### I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa - Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa. Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa. Điện thoại: 0258.3.847.452. Email: vanthubvnh@gmail.com; benhviendkninhhoa@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa - Tổ dân phố 16, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa.

- Nhận qua email: vanthubvnh@gmail.com; benhviendkninhhoa@gmail.com

- Nhận qua Fax: 0258.3.847.452

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 28 tháng 5 năm 2024 đến hết ngày 11 tháng 6 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 11/6/2024

6. Thư mời báo giá được đăng tải lên Website Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa (<http://benhvienninhhoa.khanhhoa.gov.vn>)

### II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục: (Đính kèm danh mục báo giá)

2. Địa điểm cung cấp: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tháng 9/2024

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không

- Thanh toán hợp đồng và các điều kiện thanh toán: thanh toán nhiều lần bằng chuyển khoản trong vòng 90 ngày kể từ ngày bên nhà trúng thầu cung cấp đầy đủ hàng hóa, chứng từ, hóa đơn tài chính theo quy định kèm theo biên bản giao nhận hàng giữa hai bên, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu 08a)

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, Khoa Dược.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Ngọc Luận**

Công ty .....

Địa chỉ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

Stt	Tên hóa chất	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ TIÊU HAO</b>									
1	Airway các số	Các số: 0, 1, 2, 3. Đóng gói từng cái tiệt trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	1.000		
2	Bao Camera nội soi	Chất liệu: Màng nhựa PE , có vòng nhựa, đóng gói tiệt trùng từng cái. Bao bì chỉ thị tiệt trùng. Các cỡ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	1.200		
3	Bơm tiêm 20 ml	Bơm tiêm nhựa tiệt trùng 20ml dùng trong y tế, kim 23G-25G x 1", không chứa chất độc tố, không gây sốt, đóng gói riêng từng cái. Đạt một trong các tiêu chuẩn FDA, CE, ISO					Cái	120.000		
4	Canuyn mở khí quản các số	ống Canyl mở khí quản các số từ 3-9 có bóng hoặc không bóng, duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê, không độc. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	10		
5	Cây hướng dẫn đặt nội khí quản các loại, các cỡ	Kích cỡ: số 6, 10, 14Fr *Chất liệu: thanh kim loại mảnh dễ uốn, phủ lớp nhựa mỏng bên ngoài; đầu bo tròn không gây tổn thương. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cây	50		

6	Chỉ thép khâu xương bánh chè	Chỉ thép khâu xương bánh chè số 7, dài $\geq 60$ cm. Kim tam giác, 1/2 C dài $\geq 120$ mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Tép	48		
7	Đầu cole vàng	Chất liệu: Nhựa PP, màu vàng, không khóa. Đặc điểm: Không khóa, Độ cole ôm kín đầu cây micropipet. Kích cỡ: dung tích 0-200 $\mu$ l, tiệt trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, FDA, CE, TCCS					Cái	24.000		
8	Miếng dán điện cực tim	Kích cỡ: $\geq 32\text{mm} \times 50\text{mm}$ , lớp lót trong bằng vỏ nhôm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	1.000		
9	Dụng cụ cắt khâu nối dùm trong kỹ thuật Longo	Dụng cụ cắt trĩ theo phương pháp Longo. Đường kính 33mm, 32 ghim titanium. Chiều cao $\geq 3,5\text{mm}$ và $\geq 4,8\text{mm}$ . Đầu đe rời, ống soi trong suốt, có chia vạch. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	30		
10	Gạc mét	100% cotton, an toàn, có khả năng tự hủy, hạn chế ô nhiễm môi trường. Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Mét	180		
11	Gạc nhét mũi 1cm x 150cm	Kích thước: $\geq 1\text{cm} \times 150\text{cm}$ . Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cuộn	400		
12	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Kích cỡ: 30cm x 30cm x 6 lớp, cân quang, tiệt trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Miếng	10.000		
13	Gạc thận nhân tạo	Dùng ép để cầm máu động mạch khi chạy thận nhân tạo, quy cách: 3,5cm x 4,5 cm x 80 lớp. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Miếng	10.000		
14	Giấy điện tim 3 cần	Kích cỡ: 63mm x 30m. chất liệu: giấy dai, đường kẻ rõ nét, độ dày vừa phải, không quá trơn láng nhưng không quá nhám, lõi tròn. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cuộn	400		
15	Mặt nạ gây mê các cỡ	Mask gây mê các cỡ (người lớn, trẻ em, sơ sinh). Làm bằng nhựa PVC không độc, có đệm bơm khí để cố định kín, tiệt trùng đóng gói từng cái. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	250		

16	Mặt nạ xông khí dung TE	<p>Chức năng: phun khí dung trẻ em, bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 mặt nạ: bằng nhựa PVC, không latex, trên mặt nạ có kẹp mũi và đính kèm dây cố định mặt nạ vào mặt bệnh nhân</li> <li>- Bầu chứa thuốc</li> <li>- 01 dây nối dài,</li> <li>- Tiệt trùng đóng gói từng cái</li> <li>- Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</li> </ul>					Cái	150		
17	Ống dẫn lưu màng phổi	<p>Kích thước: 16-36, đóng gói tiệt trùng từng cái. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					sợi	30		
18	Ống dẫn lưu ổ bụng	<p>Các số từ 20-28. Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Sợi	100		
19	Ống nghiệm EDTA nắp cao su	<p>Kích thước ống: 12mmx75mm. Màu nắp, nhãn ống: màu xanh. Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP. Hóa chất: Dipotassium Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA K2). Dung tích máu: 2ml có vạch định mức. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Ống	43.200		
20	Ống nghiệm chống đông Heparin	<p>Kích thước ống: 12mmx75mm. Màu nắp, nhãn ống: Đen. Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Ống	31.200		
21	Phim khô laser	<p>Phim khô y tế cỡ 20cm x 25cm dùng cho chụp X-Quang. Tương thích với máy in phim khô Konica Minolta Drypro <math>\Sigma</math> II. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Tờ	10.000		

22	Quả lọc thận nhân tạo (màng lọc thận)	<p>Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA), không DEHP.  Diện tích: 1.7 m<sup>2</sup>. Thể tích mỗi: 108mL. Hệ số siêu lọc: KUF: 22 (mL/giờ/mmHg).TMP: 500mmHg. Vỏ quả lọc: Polypropylene.  Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min):  Ure: 270 ml/min  Creatinine : 251 ml/min  Phosphate: 221 ml/min  Vitamin B12: 143 ml/min.  Hệ số sàng lọc: Albumin &lt; 0.01  Tiệt trùng: Tia Gamma  Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Cái	1.000		
23	Que phết tế bào âm đạo	<p>Chất liệu: Gỗ tron láng, không bén cạnh, an toàn khi sử dụng. Dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung. Đóng gói riêng từng cái, tiệt trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Que	300		
24	Lọ nhựa đựng mẫu dung tích 50ml-55ml	Nhựa trắng trong, nắp màu đỏ, có nhãn					Cái	6.000		
25	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn	<p>Dây đeo tay định danh (vòng đeo tay)/ Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn  - Mục đích sử dụng : Dùng ghi thông tin bệnh nhân, phân loại người lớn, phân loại bệnh theo màu: Trắng, đỏ, vàng, xanh  - Chất liệu : làm từ như PVC ; chống nước, chống ẩm ; chống nấm mốc.  Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS</p>					Cái	15.000		
26	Vòng đeo tay bệnh nhân trẻ em	<p>Dây đeo tay định danh (vòng đeo tay)/ Vòng đeo tay bệnh nhân trẻ em  - Mục đích sử dụng : Dùng ghi thông tin bệnh nhân, phân loại trẻ em, phân loại bệnh theo màu: Trắng, đỏ, vàng, hồng, xanh  - Chất liệu : làm từ như PVC ; chống nước, chống ẩm ; chống nấm mốc  Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS</p>					Cái	8.000		

II VẬT TƯ CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH										
27	Bộ đinh chốt xương chày, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không rỉ. Gồm:</li> <li>+ 01 Đinh chốt xương chày đa năng Expert Ø8/ 9/ 10/ 11/ 12mm, dài 255-375mm, bước tăng 15mm</li> <li>+ 02 Vít chốt ngang đinh chốt xương chày đa năng Expert Ø4.4mm, dài 24-88mm, bước tăng 2mm</li> <li>+ 01 Vít nắp đinh chốt xương chày đa năng Expert dài 0/ 5/ 10/ 15mm</li> <li>+ 02 Vít chốt đầu trên đinh chốt xương chày đa năng Expert Ø4.8mm, dài 55-90mm, bước tăng 5mm</li> <li>- Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</li> </ul>					Bộ	14		
28	Bộ đinh chốt xương đùi, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không rỉ. Gồm:</li> <li>+ 01 Đinh chốt xương đùi đa năng Expert, trái/ phải, Ø9/ 10/ 11/ 12/ 13mm, dài 320-440mm, bước tăng 20mm</li> <li>+ 02 Vít chốt ngang đinh chốt xương đùi đa năng Expert Ø4.8mm, dài 26-90, từ 26-84mm, bước tăng 2mm, từ 80-90 bước tăng 5mm</li> <li>+ 01 Vít nắp đinh chốt xương đùi đa năng Expert dài 0/ 5/ 10/ 15/ 20mm</li> <li>+ 02 Vít chốt cổ xương đùi đinh chốt xương đùi đa năng Expert Ø6.4mm, dài 60-130mm, bước tăng 5mm, tự tạo ren</li> <li>- Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</li> </ul>					Bộ	6		
29	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương chày, trái, phải, các cỡ, các lỗ	<p>Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vặn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F).Nẹp khóa đầu dưới xương chày ngoài: Độ dày nẹp: 4.0mm, bề rộng đầu nẹp: 26.5mm, bề rộng thân nẹp: 15.0mm, số lỗ: 5/6/7/8/9/10/11/12/ 13 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 120/135/150/165/180/195/210/225/240mm (khoảng cách giữa các lỗ: 15.0mm). Sử dụng vít khóa dk D4.5mm và vít khóa xóp D5.5mm.Nẹp khóa đầu dưới xương chày trong: Nẹp khóa đa trục linh hoạt khi bắt vít theo các hướng khác nhau. Độ dày đầu nẹp: 2.8mm, độ dày phần thân nẹp: 4.0mm, bề rộng đầu nẹp: 22mm, bề rộng thân nẹp: 15.5mm, số lỗ phần đầu nẹp 8 lỗ, số lỗ phần thân nẹp: 5/7/9/11/13/15 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 116/137/158/178/199/220mm (khoảng cách giữa các lỗ phần thân: 10.5mm). Sử dụng vít khóa đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 12- 48mm bước tăng 2mm; chiều dài từ 50 - 80mm bước tăng 5mm, mũ vít lục giác. Vít nén đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi</p>					Bộ	2		

		vít 2.4mm, đường kính mũ vít 6.0mm, chiều dài vít từ 12 - 50mm bước tăng 2mm, mũ vít lục giác và Vít khóa xóp đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 14 - 38mm bước tăng 2mm; từ 40-60mm bước tăng 5mm; mũ vít lục giác. Trợ cụ chuyên dụng đi kèm.. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA								
30	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, trái, phải, các cỡ, các lỗ	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vắn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F). Độ dày nẹp: 5.7mm, bề rộng đầu nẹp: 39.3mm, bề rộng thân nẹp: 17.0mm, số lỗ phần đầu nẹp 7 lỗ, số lỗ phần thân nẹp: 5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài nẹp là 165/204/244/284/323mm (khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp: 20.0mm). Sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm, chiều dài 60 - 85mm bước tăng 5mm và vít nén đường kính vít 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm; từ 60- 85mm bước tăng 5mm. mũ vít lục giác và vít khóa xóp đường kính vít 5.5mm, đường kính lõi vít 2.5mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 30 - 90mm, mũ vít lục giác. Trợ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Bộ	2		
31	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương quay, phải trái, các cỡ, các lỗ	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vắn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F).Loại phần đầu nẹp có 3 lỗ. Độ dày phần đầu nẹp: 3.0 mm, độ dày phần thân nẹp: 2.3mm, bề rộng đầu nẹp: 22.0mm, bề rộng thân nẹp: 9.5 mm, số lỗ trên thân nẹp: 3 lỗ/4 lỗ, tương ứng chiều dài nẹp là 46/55 mm (khoảng cách giữa các lỗ phần thân: 8.5 mm)Loại phần đầu nẹp có 4 lỗ. Độ dày phần đầu nẹp: 3.0 mm, độ dày phần thân nẹp: 2.3mm, bề rộng đầu nẹp: 26.6mm, bề rộng thân nẹp: 9.5 mm, số lỗ trên thân nẹp: 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ, tương ứng chiều dài nẹp là 49/57/66/74/83/91/100/108/117/125 mm (khoảng cách giữa các lỗ phần thân: 8.5 mm). Sử dụng Vít nén đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 6.0mm, chiều dài vít từ 12 - 50mm bước tăng 2mm, mũ vít lục giác và Vít khóa xóp đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 14 - 38mm bước tăng 2mm; từ 40-60mm bước tăng 5mm; mũ vít lục giác. Trợ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Bộ	4		



32	Bộ Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ, các lỗ	<p>Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vặn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F). Độ dày nẹp: 4.0mm, bề rộng đầu nẹp: 23.4mm, bề rộng thân nẹp: 15.5mm, số lỗ: 5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16/18 lỗ tương ứng chiều dài nẹp là 72/88/104/120/136/152/168/184/200/216/232/248/280 mm (khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp: 16.0mm). Sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm, đường kính lỗ vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm, chiều dài 60 - 85mm bước tăng 5mm và vít nén đường kính vít 4.5mm, đường kính lỗ vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm; từ 60- 85mm bước tăng 5mm. mũ vít lục giác và vít khóa xếp đường kính vít 5.5mm, đường kính lỗ vít 2.5mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 30 - 90mm, mũ vít lục giác. Trợ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Bộ	4		
33	Bộ Nẹp khóa đầu trên xương đùi, trái, phải, các cỡ, các lỗ	<p>Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vặn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F). Nẹp đầu rắn. Độ dày 6mm, bề rộng nẹp 19mm (khoảng cách các lỗ 18mm) trái phải các cỡ 4,6,8,10,12 lỗ. Sử dụng vít nén đường kính ren 4.5mm, đường kính thân vít 3.2mm, đường kính mũ vít 8.0mm, vít tự taro. Độ dài vít từ 10 đến 70mm, bước tăng 2mm. Vít khóa đường kính 5.0mm, đường kính thân vít 4.3mm, đường kính mũ vít 6.6 mm. Độ dài vít từ 10-48mm bước tăng 2mm; chiều dài 50 đến 95mm bước tăng 5mm. Vít khóa Xếp đường kính ren 5.0mm, đường kính thân vít 3.2mm, đường kính mũ vít 6.6 mm. Độ dài vít từ 25 đến 95 mm bước tăng 5mm và vít rộng nòng, khoá phần mũ vít với thân nẹp, chiều dài vít từ 60mm - 110mm bước tăng 5mm. đường kính ren 7.3mm, đường kính thân vít 5.5mm, đường kính nòng vít 2.5mm. Đường kính mũ vít 9.2mm với loại vít ren toàn phần. Đường kính mũ vít 8.3mm với loại vít ren bán phần (chiều dài phần ren 25mm). Trợ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Bộ	2		

34	Bộ Nẹp khóa móc xương đòn, trái, phải, các cỡ, các lỗ	<p>Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vắn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F). Độ dày nẹp: 4.0mm, bề rộng phần đầu nẹp: 21.0mm, bề rộng phần thân nẹp: 10.0mm, khoảng cách giữa các lỗ phần thân nẹp: 10.2mm, chiều dài móc: 18.5mm, chiều sâu móc 21.0mm, số lỗ: 3/4/5/6 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 73/83/92/102mm. Sử dụng vít khóa đường kính vít 3.5mm, đường kính lỗ vít 2.4mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 12- 48mm bước tăng 2mm; chiều dài từ 50 - 80mm bước tăng 5mm, mũ vít lục giác và Vít nén đường kính vít 3.5mm, đường kính lỗ vít 2.4mm, đường kính mũ vít 6.0mm, chiều dài vít từ 12 - 50mm bước tăng 2mm, mũ vít lục giác. Trọ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Bộ	2		
35	Bộ Nẹp khóa ốp mâm chày ngoài, trong, trái, phải, các cỡ, các lỗ	<p>Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vắn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F).Nẹp khóa mâm chày trong: Độ dày nẹp: 4.0mm, bề rộng đầu nẹp: 36.2mm, bề rộng thân nẹp: 15.0 mm, số lỗ: 3/4/5/6/7/8/9/11/13 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 81/97/113/129/145/161/177/209/241 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0mm)Nẹp khóa mâm chày ngoài: Độ dày nẹp: 3.0mm, bề rộng đầu nẹp: 29.6mm, bề rộng thân nẹp: 15.0mm, số lỗ: 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 88/118/148/178/208/238mm (khoảng cách giữa các lỗ: 15.0mm). . Sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm, đường kính lỗ vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm, chiều dài 60 - 85mm bước tăng 5mm và vít nén đường kính vít 4.5mm, đường kính lỗ vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm; từ 60- 85mm bước tăng 5mm. mũ vít lục giác và vít khóa xóp đường kính vít 5.5mm, đường kính lỗ vít 2.5mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 30 - 90mm, mũ vít lục giác. Trọ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Bộ	3		

36	Đinh Kirschner đầu nhọn 1,2 mm	<p>Chất liệu thép không gỉ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đinh Kirschner hai đầu nhọn Ø1.2mm, dài 300mm</li> <li>- Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</li> </ul>					Cây	30		
37	Đinh Kirschner đầu nhọn 2,2 mm	<p>Chất liệu thép không gỉ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đinh Kirschner hai đầu nhọn Ø2.2mm, dài 300mm</li> <li>- Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</li> </ul>					Cây	30		
38	Bộ Nẹp khóa móc xương đòn, các cỡ, các lỗ	<p>Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vặn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F). Độ dày nẹp: 4.0mm, bề rộng phần đầu nẹp: 21.0mm, bề rộng phần thân nẹp: 10.0mm, khoảng cách giữa các lỗ phần thân nẹp: 10.2mm, chiều dài móc: 18.5mm, chiều sâu móc 21.0mm, số lỗ: 3/4/5/6 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 73/83/92/102mm. Sử dụng vít khóa đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 12- 48mm bước tăng 2mm; chiều dài từ 50 - 80mm bước tăng 5mm, mũ vít lục giác và Vít nén đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 6.0mm, chiều dài vít từ 12 - 50mm bước tăng 2mm, mũ vít lục giác. Trọ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Bộ	7		

39	Bộ Nẹp khóa xương mác, phải trái, các cỡ, các lỗ	<p>Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vãn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F). Nẹp khóa đa trục, linh hoạt khi bắt vít theo các hướng khác nhau. Độ dày nẹp: 2.5 mm, bề rộng phần đầu nẹp: 16.1 mm, bề rộng phần thân nẹp: 9.7mm, số lỗ phần đầu nẹp: 4 lỗ, số lỗ phần thân nẹp: 5/7/9/11 lỗ, tương ứng chiều dài nẹp là 85/109/133/157mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm. Sử dụng vít khóa đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 12- 48mm bước tăng 2mm; chiều dài từ 50 - 80mm bước tăng 5mm, mũ vít lục giác. Vít nén đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 6.0mm, chiều dài vít từ 12 - 50mm bước tăng 2mm, mũ vít lục giác và Vít khóa xóp đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 14 - 38mm bước tăng 2mm; từ 40- 60mm bước tăng 5mm; mũ vít lục giác. Trọ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Bộ	5		
40	Bộ Nẹp xương đòn chữ S vít Ø3.5mm trái, phải, các cỡ, các lỗ	<p>Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vãn 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F). Độ dày nẹp: 3.5mm, bề rộng nẹp: 10.0mm, số lỗ: 6/7/8/9 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 78/87/97/106 mm. Sử dụng vít khóa đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 12- 48mm bước tăng 2mm; chiều dài từ 50 - 80mm bước tăng 5mm, mũ vít lục giác và Vít nén đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 6.0mm, chiều dài vít từ 12 - 50mm bước tăng 2mm, mũ vít lục giác. Trọ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA</p>					Bộ	25		

41	Vít vỏ xương đường kính 4.5mm	Chất liệu thép không rỉ. Vít đường kính 4.5mm, tự tạo ren, lỗ vận lục giác, dài 12-80mm, bước tăng 2mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	100		
42	Vít vỏ xương đường kính 3.5mm	Chất liệu thép không rỉ. - Vít đường kính 3.5mm, tự tạo ren, lỗ vận lục giác, dài 10-90mm, từ 10-50mm, bước tăng 2mm, từ 50-90mm, bước tăng 5mm - Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	350		
43	Bộ Nẹp khóa xương cánh tay các cỡ, các lỗ	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vận 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F). Độ dày nẹp: 4.2mm, bề rộng nẹp: 13.5mm, số lỗ: 6/7/8/9/10/11/12/14 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 103/119/135/151/167/183/199/231 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0mm). Sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm, chiều dài 60 - 85mm bước tăng 5mm và vít nén đường kính vít 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm; từ 60- 85mm bước tăng 5mm. mũ vít lục giác. Trọ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Bộ	6		
44	Bộ Nẹp khóa xương đùi, các cỡ, các lỗ	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. GRADE 23- mức độ tan chảy 1649°C (3000 °F), Độ dẫn điện Ôm.cm(in) : 160(67) , độ bền kéo vận 828(120)MPa, Xử lý nhiệt 732°C(1350°F). Độ dày nẹp: 5.2mm, bề rộng nẹp: 17.5mm, số lỗ: 6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 103/119/135/151/167/183/199/231/263 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0mm). Sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm, chiều dài 60 - 85mm bước tăng 5mm và vít nén đường kính vít 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm; từ 60- 85mm bước tăng 5mm. mũ vít lục giác. Trọ cụ chuyên dụng đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Bộ	4		

45	Nẹp titan nén ép cẳng tay, các cỡ, các lỗ	- Chất liệu Titan. - Nẹp nén ép bản nhỏ, vít Ø3.5mm, dày 3.3mm, rộng 10.0mm. Thân 2/ 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 12/ 13/ 14 lỗ, đài 25/ 37/ 49/ 61/ 73/ 85/ 97/ 109/ 121/ 145/ 157/ 169mm - Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	18		
46	Nẹp titan mắc xích nén ép cẳng tay, các cỡ, các lỗ	Chất liệu Titan. - Nẹp tạo hình thẳng, vít Ø3.5mm, dày 3.0mm, rộng 10.0mm. Thân 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 13/ 14/ 15/ 16/ 17/ 18/ 19/ 20/ 21/ 22 lỗ, dài 58/ 70/ 82/ 94/ 106/ 118/ 130/ 142/ 154/ 166/ 178/ 190/ 202/ 214/ 226/ 238/ 250/ 262mm - Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Cái	13		
<b>III HOÁ CHẤT - SINH PHẨM</b>										
47	Anios special DJP	Dung dịch pha sẵn - Dung dịch trong suốt màu xanh nhạt - pH ở 20 độ C, xấp xỉ 3.5 - Sử dụng với máy phun Anios Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Lít	60		
48	Calcium hypochlorid	Dạng bột màu trắng hay ánh xám hoặc dạng hạt (bột trắng đục), mùi sốc. Hàm lượng 70%. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Kg	180		
49	Chai cấy máu 2 pha	Chai/50 ml . Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Chai	50		
50	Chapman Agar	Môi trường nuôi cấy vi sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Gam	500		
51	Chloramine B	Hàm lượng clo hoạt tính chiếm khoảng 25-27%, dạng bột. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Kg	300		
52	Cồn y tế 90 độ	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Lít	15		
53	Dung dịch tẩy rửa bằng enzyme	Thành phần chính: Hỗn hợp 5 enzym (Protease, Amylase, Lipase, Cellulase và Mannanase) 10%. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Lít	10		
54	IDS 14 GNR	Bộ thử nghiệm định danh với dây 12 giếng sinh hóa đạt hiệu trong định danh kháng định vi sinh vật. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Test	320		

55	NaOH	Dạng rắn kết tinh màu trắng, tan trong nước, nồng độ NaOH 99%. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Kg	144		
56	Blood Agar	Môi trường nuôi cấy vi sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Gam	2.000		
57	KIA Agar	Môi trường nuôi cấy vi sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Gam	500		
58	Nutrient Agar	Môi trường nuôi cấy vi sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Gam	500		
59	Sabouraud	Môi trường nuôi cấy vi sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Gam	500		
60	Thuốc nhuộm giêmsa	Môi trường nuôi cấy vi sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Chai	1		
61	Dầu soi kính	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Chai	1		
62	Phenol bão hoà	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Chai	1		
63	Acid acetic 3%	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Chai	1		
64	Đĩa Amikacine 30 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Đĩa	500		
65	Đĩa Amox.A.clavulanic 20 µg/10 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Đĩa	750		
66	Đĩa Cefepime 30 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Đĩa	500		
67	Đĩa Cefuroxime 30 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Đĩa	500		

68	Đĩa Ciprofloxacin 5 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Đĩa	500		
69	Đĩa cefotaxime 30 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Đĩa	750		
70	Đĩa Ceftazidine 30 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Đĩa	750		
71	Đĩa Ceftriaxone 30 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Đĩa	750		
72	Đĩa Ertapenem 10 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Đĩa	750		
73	Đĩa Gentamycine 10 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Đĩa	250		
74	Đĩa Imipenem 10 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Đĩa	500		
75	Đĩa Levofloxacin 5 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Đĩa	750		
76	Đĩa Meropenem 10 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA					Đĩa	750		



77	Đĩa Vancomycine 30 µg	Đĩa giấy đã được tẩm kháng sinh với nồng độ tương ứng phù hợp với phương pháp thử nghiệm kháng sinh đồ theo tiêu chuẩn quốc tế CLSI. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA						Đĩa	250		
<b>Tổng cộng: 77 khoản</b>											

Giá trên đã bao gồm VAT và các chi phí khác nếu có

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp  
(Ký tên, đóng dấu)